

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2020/DS-PT

Ngày: 29-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa.

Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Hoàng N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp X1, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của ông N: Anh Phan Văn D - sinh năm 1989; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2020)

Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1969; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn X- Hội viên Hội luật gia huyện G. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X1, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn Bê M, sinh năm: 1967;

Người đại diện hợp pháp của ông Bê M: Bà Mai Thị Ngọc H là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/12/2020).

Địa chỉ: Ấp X1, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Mai Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, các biên bản hoà giải, nguyên đơn là ông Trương Hoàng N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2016, ông Trương Hoàng N có bán thức ăn chăn nuôi heo cho bà Mai Thị Ngọc H, ông Phạm Văn Bê M để bà H, ông Bê M phát triển kinh tế gia đình. Việc mua bán thức ăn giữa hai bên chỉ thoả thuận miệng, không có lập giấy tờ. Hai bên thoả thuận, ông N có trách nhiệm cung cấp thức ăn chăn nuôi cho gia đình bà H theo yêu cầu của bà H, gia đình bà H sẽ thanh toán tiền thức ăn cho ông N mỗi khi heo xuất chuồng. Do đợt dịch bệnh nên gia đình bà H đã nợ lại tiền thức ăn là 564.734.000 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Hai bên đã thống nhất tổng kết nợ, lập giấy nợ ngày 12/06/2019. Sau khi tổng kết nợ thì ông N đã ngưng cung cấp thức ăn heo cho gia đình bà H do ông N không có khả năng bao thức ăn tiếp. Ông N đồng ý cho gia đình bà H trả dần nhưng vài tháng gần đây thì gia đình bà H ngưng không trả nữa.

Từ khi tổng kết nợ đến nay thì gia đình bà H đã trả cho ông N số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Nay ông N đồng ý bớt cho bà H 9.734.000 đồng (chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng), ông N chỉ yêu cầu ông Bê M, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Ngày 12/6/2019, khi tổng kết số nợ, chấm dứt hợp đồng, giữa các bên không có sự thoả thuận việc ông N cho bà H trả dần hàng tháng với số tiền như bà H trình bày. Trường hợp, ông N cho bà H trả dần trình bày thì bà H cũng không thực hiện đúng việc trả tiền hàng tháng. Nếu bà H, ông Bê M trả trước cho ông N phân nửa số tiền nêu trên thì phân nửa số tiền còn lại, ông N sẽ cho bà H và ông Bê M trả dần. Bà H và ông Bê M không trả trước phân nửa số nợ thì ông N không đồng ý cho trả dần.

Trong bản khai, các biên bản hoà giải, bị đơn là bà Mai Thị Ngọc H trình bày:

Bà thống nhất với ông N về thời gian mua thức ăn, phương thức thanh toán tiền như ông N đã trình bày. Không phải bà bán heo không thanh toán tiền thức ăn cho ông N mà do heo bị dịch bệnh, làm ăn thua lỗ, mỗi lần bán heo, bà trả đủ tiền cho ông N nên mới dẫn đến số nợ trên. Tháng 6/2019, ông N ngừng cung cấp thức ăn heo cho gia đình bà và chốt nợ, biên bản chốt nợ được lập ngày 12/6/2019, bà còn nợ ông N số tiền 564.734.000 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông N đồng ý để gia đình bà trả dần số nợ trên mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), việc thỏa thuận giữa các bên chỉ bằng lời nói. Từ khi chốt nợ đến nay bà trả tiền cho ông N nhiều lần, mỗi lần trả từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), cứ 03 tháng là bà sẽ trả ông N một lần nên chỉ còn nợ ông N 509.734.000 (năm trăm lẻ chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) thì bà đồng ý trả. Tuy nhiên bà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Trong bản khai, các biên bản hoà giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Bê M trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà H, ông và bà H chăn nuôi heo để phát triển kinh tế gia đình, có thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình. Do chăn nuôi heo thua lỗ, kéo dài nhiều năm nên mới nợ tiền của ông N. Nay ông đồng ý cùng bà H trả cho ông N số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Hoàng N.

Buộc bà Mai Thị Ngọc H và ông Phạm Văn Bê M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Hoàng N số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ghi nhận việc ông Trương Hoàng N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2020, bị đơn bà Mai Thị Ngọc H kháng cáo một phần Bản án số 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận việc thỏa thuận miệng giữa bà và ông N là mỗi tháng bà trả cho ông N 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn trước đây có thỏa thuận mỗi tháng gia đình bà H trả cho ông N 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Việc thỏa thuận mặc dù không có chứng cứ nhưng đã thực hiện rồi. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Ngọc H, xem xét tạo điều kiện cho bà H được trả dần số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận việc thỏa thuận miệng giữa bà và ông N là mỗi tháng bà trả cho ông N 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận giữa bà và ông N. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Ngọc H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Ngọc H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trương Hoàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Bê M liên đới trả cho ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Bị đơn bà Mai Thị Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Bê M thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên nên Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Bị đơn bà Mai Thị Ngọc H kháng cáo xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng 5.000.000đồng theo thỏa thuận miệng giữa bà và ông N cho đến khi hết nợ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nội dung kháng cáo của

bị đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi các bên đã thống nhất phương thức thanh toán khi bán heo thì bà H có nghĩa vụ trả đủ tiền thức ăn cho ông N nhưng bị đơn không trả đủ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Mai Thị Ngọc H và ông Phạm Văn Bê M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Hoàng N số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng là phù hợp). Bà H cho rằng giữa bà và ông N có thỏa thuận miệng là mỗi tháng bà trả cho ông N 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng ông N không thừa nhận và bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, kháng cáo của bà H không được chấp nhận. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Mai Thị Ngọc H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Hoàng N.

Buộc bà Mai Thị Ngọc H và ông Phạm Văn Bê M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Hoàng N số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ghi nhận việc ông Trương Hoàng N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành

án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Mai Thị Ngọc H và ông Phạm Văn Bê M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

- Hoàn lại cho ông Trương Hoàng N tạm ứng án phí đã nộp số tiền 12.194.000 (Mười hai triệu một trăm chín mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số 0002388 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Mai Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003924 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng